

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 22-23

Nhóm: 02

Môn học **Bóng chuyền 1**
CBGD **Lương Anh Kiệt**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234002	1	2122120579	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/09/2004	CCQ2212P	5.7	5	5.3	
234002	2	2122030218	Võ Hồng	Ánh	02/10/2004	CCQ2203F	8.3	10	9.3	
234002	3	2122120012	Lê Nhật Trúc	Ân	20/10/2004	CCQ2212A	5.7	5	5.3	
234002	4	2122030052	Lan Xuân	Bảo	06/12/2004	CCQ2203B	7.7	8	7.9	
234002	5	2122030231	Trần Minh	Bảo	09/05/2004	CCQ2203B	9.3	9	9.1	
234002	6	2122120274	Phạm Văn	Cường	06/06/2002	CCQ2212I	7.7	6	6.7	
234002	7	2122030187	Nguyễn Thành	Dân	16/09/2004	CCQ2203F	8	8	8.0	
234002	8	2122210075	Phạm Ngọc	Diệp	18/09/2004	CCQ2221B	7	6	6.4	
234002	9	2122170124	Phan Văn	Đảm	07/07/2004	CCQ2212M				
234002	10	2122120037	Nguyễn Ngọc Tâm	Đoan	19/12/2003	CCQ2212A	6	5	5.4	
234002	11	2122120019	Hà Thị Mỹ	Hạnh	03/06/2001	CCQ2212A	6	5	5.4	
234002	12	2122170076	Nguyễn Nhật	Hào	10/02/2004	CCQ2212N	7.7	7	7.3	
234002	13	2122120065	Trần Thị Như	Hào	08/03/2004	CCQ2212B	5.3	8	6.9	
234002	14	2122120458	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	17/05/2004	CCQ2212N	6	7	6.6	
234002	15	2122030056	Hồ Thế	Hiển	17/12/2004	CCQ2203B				
234002	16	2122120378	Dương Thị	Hồng	11/08/2004	CCQ2212L	6	7	6.6	
234002	17	2122120007	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	28/05/2003	CCQ2212A	7.3	7	7.1	
234002	18	2121120479	Châu Gia	Huệ	12/09/2001	CCQ2112N				
234002	19	2122120063	Phan Thị Mỹ	Huệ	02/08/2004	CCQ2212B	5	6	5.6	
234002	20	2122120039	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	11/02/2004	CCQ2212B	8	6	6.8	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234002	21	2121120459	Thành Việt	Hưng	03/06/2003	CCQ2112N				
234002	22	2122210042	Lê Thị Kiều	Hương	02/06/2004	CCQ2221B				
234002	23	2121150013	Nguyễn Lê Đức	Hướng	13/12/2003	CCQ2115A	5.7	7	6.5	
234002	24	2122030189	Trần Minh	Kết	25/10/2003	CCQ2203F	6	7	6.6	
234002	25	2122180034	Nguyễn Thái	Khềnh	29/08/2003	CCQ2218A	6.7	4	5.1	
234002	26	2122120299	Nguyễn Vũ	Khôi	13/01/2004	CCQ2212I	3	3	3.0	
234002	27	2122030177	Trần Phước	Lộc	26/03/2004	CCQ2203F	7.7	9	8.5	
234002	28	2122030055	Nguyễn Văn	Lợi	06/01/2003	CCQ2203B	6.7	8	7.5	
234002	29	2122120013	Võ Thị Diễm	My	16/07/2004	CCQ2212A	5.3	8	6.9	
234002	30	2122210061	Lê Thị Phương	Nam	23/01/2004	CCQ2221B	6.3	6	6.1	
234002	31	2122110088	Trần Thị	Nga	14/06/2003	CCQ2212N	7	8	7.6	
234002	32	2122120032	Trần Thị Thúy	Nga	14/02/2004	CCQ2212A	7	8	7.6	
234002	33	2122120011	Hoàng Thị Cẩm	Ngân	09/12/2003	CCQ2212A	5.7	6	5.9	
234002	34	2122120066	Trần Thị Bích	Ngân	28/07/2004	CCQ2212B	7	4	5.2	
234002	35	2121210113	Dương Thị Hồng	Ngọc	08/09/2003	CCQ2121C	3.7	7	5.7	
234002	36	2122120445	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	19/10/2004	CCQ2212M	5.3	6	5.7	
234002	37	2119260296	Phạm Bảo	Ngọc	23/07/2001	CCQ1926H	6.3	7	6.7	
234002	38	2121120365	Phan Thiên	Ngọc	06/07/2003	CCQ2112K				
234002	39	2121120480	Trần Quang	Nhật	01/12/2002	CCQ2112N	8	7	7.4	
234002	40	2122030162	Nguyễn Trọng	Phú	12/08/2004	CCQ2203E	7.7	9	8.5	
234002	41	2122120009	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	24/07/2003	CCQ2212A	6.7	6	6.3	
234002	42	2122030158	Trần Hoàng	Phúc	13/12/2004	CCQ2203E	7	7	7.0	
234002	43	2121210110	Đoàn Thị Ngọc	Phương	15/01/2003	CCQ2121C				
234002	44	2122120425	Nguyễn Tuyền	Quyên	28/08/2004	CCQ2212M	7.3	8	7.7	
234002	45	2122120017	Võ Như	Quỳnh	06/09/2003	CCQ2212A	7.7	5	6.1	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234002	46	2122120557	Võ Thị Thu	Quỳnh	08/04/2004	CCQ2212P	5.3	6	5.7	
234002	47	2122030040	Trần Đức	Thắng	12/01/2004	CCQ2203B	9	6	7.2	
234002	48	2122210045	Lữ Minh	Thi	26/09/2004	CCQ2221B	5	5	5.0	
234002	49	2122030143	Nguyễn Chí	Thông	19/04/2004	CCQ2203H	8.3	6	6.9	
234002	50	2122120062	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	06/11/2004	CCQ2212B	5		2.0	
234002	51	2122120040	Huỳnh Thị Diễm	Thúy	01/03/2004	CCQ2212B	9	9	9.0	
234002	52	2121190047	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/03/2003	CCQ2119B	6.3	7	6.7	
234002	53	2122120480	Nguyễn Thị Huyền	Thương	17/03/2004	CCQ2212B	7.7	8	7.9	
234002	54	2122030219	Phan Đức	Tín	27/09/2004	CCQ2203H	7.3	7	7.1	
234002	55	2121120243	Lương Văn	Tới	28/04/2003	CCQ2112G	6.7	9	8.1	
234002	56	2122210050	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/08/2003	CCQ2221B				
234002	57	2122120424	Phạm Ngọc	Trâm	08/01/2004	CCQ2212M	7.3	8	7.7	
234002	58	2122120053	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21/06/2004	CCQ2212B	8.3	10	9.3	
234002	59	2122210051	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	19/08/2004	CCQ2221E				
234002	60	2122120044	Cao Thị Mỹ	Uyên	03/01/2003	CCQ2212B				
234002	61	2121210077	Lê Thị Tường	Vy	22/02/2003	CCQ2121D				
234002	62	2122120021	Nguyễn Thị Kiều	Vy	04/04/2004	CCQ2212A	6.7	4	5.1	
234002	63	2122120016	Nguyễn Ngọc Như	Ý	25/08/2004	CCQ2212A	7.7	7	7.3	

TPHCM, ngày 08 tháng 4 năm 2023

Lương Anh Kiệt

